

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HS - ST
Ngày: 21-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bạ

Ông Phạm Phúc Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Ông Chu Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2020/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 6 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/HSST-QĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh H; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố: Nguyễn Huy B và mẹ: Phan Thị T; có chồng: Nguyễn Văn L (đã ly hôn năm 2013); Bị cáo có 01 con, sinh năm 2000; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt.

- Bị hại: Chị Trần Thị N, sinh năm 1991 và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989. Đều có địa chỉ: Số 65, đường N, khu dân cư N 2, phường S, thành phố C, tỉnh H. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 05 phút ngày 15 tháng 5 năm 2020, Nguyễn Thị H đến cửa hàng Viettel để làm thủ tục chuyển tiền. Trong quá trình làm thủ tục chuyển tiền, H quan sát thấy chị Trần Thị N, sinh năm 1991, trú tại: số 65, đường N thuộc khu dân cư N 2, phường S, thành phố C, tỉnh H là nhân viên cửa hàng Viettel chi nhánh C, địa chỉ số 339 Khu dân cư T 3, phường S, thành phố C, tỉnh H để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy M30s, mặt sau sơn màu xanh, có số Seri: R58MA7FRW3N, bên trong có 01 sim điện thoại có số thuê bao 0961.665.820; 01 sim Viettel 4G trên mặt sim có ghi số 8984048008811124902 và 01 chùm chìa khóa gồm 02 chìa khóa xe ô tô của hãng Toyota vios ở trên mặt bàn quầy giao dịch mà không có người quản lý. H đã nảy sinh ý định trộm cắp số tài sản trên. Sau khi chuyển tiền xong, lợi dụng lúc nhân viên cửa hàng không để ý, H dùng tay phải lấy chiếc điện thoại di động và chùm chìa khóa xe ô tô trên bỏ vào trong chiếc balo màu đen của mình ở bên tay trái rồi đi ra ngoài cửa hàng. H mang số tài sản trên về cất giấu tại nhà riêng ở thôn N, xã N, huyện N, tỉnh H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 30/KLĐG ngày 25/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C, tỉnh H kết luận: tại thời điểm ngày 15/5/2020 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy M30s, bên trong lắp 02 sim có giá trị là 3.100.000 đồng và 01 chùm chìa khóa gồm 02 chìa khóa xe ô tô Toyota vios có giá trị là 1.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trị giá 4.800.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 52/CT-VKSCL ngày 28-5-2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh H đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1; 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo từ 07 (*Bảy*) đến 09 (*Chín*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (*Mười bốn*) tháng đến 18 (*Mười tám*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H cho UBND xã N, huyện N, tỉnh H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc ba lô màu đen, kích thước (31x32)cm, bên ngoài được làm giả da, mặt sau có hai dây đeo. Về án phí: Bị cáo H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, VKSND thành phố C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 17 giờ 10 phút ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại cửa hàng Viettel, địa chỉ số 339 Khu dân cư T 3, phường S, thành phố C, tỉnh H, quan sát xung quanh không có người giám sát, Nguyễn Thị H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy M30s, mặt sau sơn màu xanh, có số Seri: R58MA7FRW3N, bên trong có 01 sim điện thoại có số thuê bao 0961.665.820; 01 sim Viettel 4G trên mặt sim có ghi số 8984048008811124902 và 01 chùm chìa khóa gồm 02 chìa khóa xe ô tô của hãng Toyota vios của chị Trần Thị N, sinh năm 1991, trú tại: số 65, đường N thuộc khu dân cư N 2, phường S, thành phố C, tỉnh H là nhân viên cửa hàng Viettel chi nhánh C. Tổng trị giá tài sản là 4.800.000 đồng. Vì vậy đủ căn cứ xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã lợi dụng thời điểm chị N không chú ý quan sát tài sản mà lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt điện thoại và 01 chìa khóa xe ô tô của chị Ngân tổng trị giá 4.800.000 đồng. Tuy vậy, khi lượng hình và áp dụng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết tăng nặng giảm

nhẹ sau: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trước khi phạm tội, bản thân bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối lỗi về hành vi phạm tội của mình. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Thời điểm xảy ra dịch covid-19, bị cáo có đóng góp phòng chống dịch với cộng đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố C tại phiên tòa.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy M30s, mặt sau sơn màu xanh, có số Seri: R58MA7FRW3N, bên trong có 01 sim điện thoại có số thuê bao 0961.665.820; 01 sim Viettel 4G trên mặt sim có ghi số 8984048008811124902 và 01 chùm chìa khóa gồm 02 chìa khóa xe ô tô của hãng Toyota vios, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh H đã trao trả chị Trần Thị N là chủ sở hữu là phù hợp. Đối với chiếc 01 chiếc ba lô màu đen, kích thước (31x32)cm, bên ngoài được làm giả da, mặt sau có hai dây đeo đã qua sử dụng, không còn giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy là phù hợp với các điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị N đã nhận lại điện thoại và 01 chìa khóa xe vios và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo H bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, c khoản 1 Điều 47; khoản 1; 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H cho UBND xã N, huyện N, tỉnh H giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc ba lô màu đen, kích thước (31x32)cm, bên ngoài được làm giả da, mặt sau có hai dây đeo.

(Tình trạng cụ thể của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT- Công an thành phố C và Chi cục THADS thành phố C ngày 29/5/2020).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh H;
- Chi cục THADS TP C;
- Công an thành phố C;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương